

Bản án số: 70/2026/HS-ST
Ngày 25-6-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thảo Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trịnh Thị Thu Ngân

Ông Lý Hoàng Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngọc Bích Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Mã Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 67/2026/TLST-HS ngày 28 tháng 5 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2026/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Triệu Văn T (tên gọi khác: không có), sinh ngày 20 tháng 11 năm 1992 tại tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số ***.

Nơi cư trú: thôn KP, xã BM, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn L (đã chết) và bà Nông Thị Ch, sinh năm 1961; vợ: có vợ và 02 con; tiền án: không có; tiền sự: ngày 09/6/2023, Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 24 tháng tại Quyết định số 07/QĐ-TA, chấp hành xong ngày 27/6/2025; nhân thân: bị cáo có nhân thân không tốt; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/01/2026 đến nay. Có mặt.

2. Lương Đoàn Minh T1 (tên gọi khác: không có), sinh ngày 01 tháng 6 năm 1991 tại tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số: ***.

Nơi cư trú và chỗ ở: số *, ngõ *, đường L, khối *, phường TT, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn N (đã chết) và bà Đoàn Thị H, sinh năm 1960; vợ: có vợ (đã ly hôn) và 01 con; tiền án: ngày 30/11/2022, Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội trộm cắp tài sản tại Bản án số 158/2022/HS-ST. Đã chấp hành xong hình phạt

và nộp án phí, hiện chưa thực hiện nghĩa vụ dân sự trả lại cho bị hại số tiền 3.400.000 đồng; tiền sự: không có; nhân thân: ngày 25/9/2012, Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn xử phạt 30 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy tại Bản án số 138/2012/HSST, ngày 31/12/2019, Công an thành phố Lạng Sơn xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy tại Quyết định số 126/QĐ-XPVPHC; ngày 05/02/2020 bị Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn chấp hành 20 tháng tại Quyết định số 09/2020/QĐ-TA; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/01/2026 đến nay. Có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Đoàn Thị H, sinh năm 1960; địa chỉ: số *, ngõ *, đường L, khối *, phường TT, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt

2. Chị Dương Phương Q, sinh năm 1990; địa chỉ: số * đường N, khối *, phường TT, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: anh Nông Văn Th. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 07 giờ 30 phút ngày 30/01/2026, Công an xã Bằng Mạc, tỉnh Lạng Sơn mời Triệu Văn T là đối tượng trong diện quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú để điểm danh, kiểm diện và xét nghiệm nước tiểu, kết quả Triệu Văn T dương tính với chất ma túy Heroin.

Nguồn gốc số ma túy Triệu Văn T sử dụng là ngày 29/01/2026 Triệu Văn T gọi điện liên lạc qua ứng dụng Messenger với Lương Đoàn Minh T1 nhờ mua ma túy mục đích để sử dụng, Lương Đoàn Minh T1 đồng ý và hẹn gặp nhau tại khu vực cầu 17/10 thuộc phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn. Sau đó Triệu Văn T điều khiển xe mô tô biển số 12X1 - 255.80 từ nhà đến chỗ hẹn, Lương Đoàn Minh T1 cũng điều khiển xe mô tô biển số 12L1 - 216.74 từ nhà đến gặp Triệu Văn T ở khu vực cầu 17/10, lúc đó khoảng 14 giờ cùng ngày. Triệu Văn T đưa cho Lương Đoàn Minh T1 500.000 đồng, Lương Đoàn Minh T1 cầm tiền rồi liên lạc với Nguyễn Mạnh Tiến để hỏi mua ma túy, Nguyễn Mạnh Tiến đồng ý và hẹn Lương Đoàn Minh T1 đến đầu ngõ 59 đường Nguyễn Đình Chiểu. Sau đó Lương Đoàn Minh T1 điều khiển xe mô tô đi đến hiệu thuốc gần khu vực siêu thị Thành Đô mua 02 xi lanh và 02 lọ nước cất bằng tiền riêng của Lương Đoàn Minh T1 rồi đi gặp Nguyễn Mạnh Tiến. Tại đây, Lương Đoàn Minh T1 đưa cho Nguyễn Mạnh Tiến 500.000 đồng, Nguyễn Mạnh Tiến đưa cho Lương Đoàn Minh T1 01 gói ma túy, Lương Đoàn Minh T1 cầm lấy rồi quay lại khu vực cầu 17/10 gặp Triệu Văn T. Hai người cùng nhau xuống gầm cầu, Lương Đoàn Minh T1 lấy gói ma túy, xi lanh và nước cất ra đặt xuống đất, sau đó bóc túi nilong bên ngoài xi lanh đi rồi đưa cho Triệu Văn T. Triệu Văn T mở gói ma túy ra lấy một phần ma túy cho vào trong 02 xi lanh rồi đưa cho Lương Đoàn Minh T1 01 xi lanh. Sau đó mỗi người cầm 01 xi

lạnh chứa ma túy và 01 ống nước cất đi ra một góc, tự mình hút nước cất vào xi lanh để pha ma túy và trực tiếp tiêm vào phần giữa cánh tay mình. Sau khi sử dụng xong, Triệu Văn T gói số ma túy còn lại và cất cùng xi lanh, ống nước cất vào trong người rồi đi về nhà. Lương Đoàn Minh T1 vút xi lanh và vỏ ống nước cất vào bụi cỏ cạnh đó rồi đi về.

Khoảng 16 giờ cùng ngày, Triệu Văn T đi đến nhà Nông Văn Trường ở cùng thôn hộ đám ma. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, sau khi ăn cơm xong, Triệu Văn T ra sân ngồi nói chuyện với Nông Văn Th ở cùng thôn. Nông Văn Th biết Triệu Văn T là người sử dụng ma túy nên đã hỏi mua ma túy, Triệu Văn T đồng ý và bảo Nông Văn Th cùng đi ra khu vực ruộng gần đó, Triệu Văn T đưa gói ma túy còn lại cho Nông Văn Th rồi quay vào nhà Nông Văn Trường. Nông Văn Th lấy giấy bạc và bật lửa đã chuẩn bị sẵn ra tự sử dụng hết số ma túy đó bằng hình thức hít. Sau đó Nông Văn Th đi vào trả cho Triệu Văn T 100.000 đồng. Đến tối trên đường về nhà, Triệu Văn T vút xi lanh và ống nước cất vào bụi cây cạnh đường, số tiền bán ma túy cho Nông Văn Th, Triệu Văn T đã sử dụng cá nhân hết.

Quá trình điều tra, bà Đoàn Thị H trình bày: bà là mẹ bị cáo Lương Đoàn Minh T1. Chiếc xe mô tô biển số 12L1-216.74 do bà đứng tên chủ sở hữu, khi bị cáo lấy xe đi mua ma túy bà không được biết nên đề nghị xin lại chiếc xe này.

Bà Dương Phương Q trình bày: bà là vợ của bị cáo Lương Đoàn Minh T1 nhưng đã ly hôn vào năm 2022. Chiếc điện thoại iphone 6 Plus là của bà mua cho con trai là Lương Minh Hiếu để thuận tiện cho việc học tập. Việc bị cáo sử dụng chiếc điện thoại để liên lạc mua ma túy bà không được biết nên đề nghị xin lại.

Tại bản Cáo trạng số 15/CT-VKSLSN-KV ngày 27 tháng 5 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Triệu Văn T về tội mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự và tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Lương Đoàn Minh T1 tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Triệu Văn T, Lương Đoàn Minh T1 đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: tuyên bị cáo Triệu Văn T phạm tội mua bán trái phép chất ma túy và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo Lương Đoàn Minh T1 phạm tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự; căn cứ khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Triệu Văn T, xử phạt từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù đối với tội mua bán trái phép chất ma túy và 03 năm đến 03 năm 06 tháng đối với tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo Triệu Văn T phải chấp hành hình phạt chung từ 06 năm đến 07 năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lương Đoàn Minh T1, xử phạt từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo

Về biện pháp tư pháp: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự truy thu số tiền 100.000 đồng của bị cáo Triệu Văn T để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5i Pro màu đen bên trong có lắp 01 sim điện thoại của bị cáo Triệu Văn T; trả lại bị cáo Triệu Văn T 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu đen, biển số 12X1-255.80 cùng giấy đăng ký xe; trả lại bà Đoàn Thị H 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen bạc, biển số 12L1-216.74; trả lại cho bà Dương Phương Q 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus bên trong có lắp 01 sim điện thoại.

Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo đều không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên. Trong lời nói sau cùng các bị cáo trình bày đã ăn năn hối cải, xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Đoàn Thị H, bà Dương Phương Q, người làm chứng ông Nông Văn Th đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và đều có đơn xin vắng mặt. Tại cơ quan điều tra lời khai của những người vắng mặt đã được làm rõ. Do đó, căn cứ các Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa không có ai có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo Triệu Văn T, Lương Đoàn Minh T1 đã thừa nhận hành vi của mình. Xét lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 29/01/2026, Triệu Văn T nảy sinh ý định sử dụng ma túy nên đã đưa cho Lương Đoàn Minh T1 500.000 đồng để mua ma túy với Nguyễn Mạnh Tiến. Lương Đoàn

Minh T1 đi mua ma túy và công cụ sử dụng trái phép chất ma túy. Cả hai cùng nhau sử dụng một phần ma túy bằng hình thức chích tại khu vực gần cầu 17/10 thuộc phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn. Phần còn lại Triệu Văn T mang về nhà. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày thì bán lại cho Nông Văn Th với giá 100.000 đồng. Hành vi của bị cáo Triệu Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội mua bán trái phép chất ma túy theo tại khoản 1 Điều 251 và tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo Lương Đoàn Minh T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Về tính chất hành vi phạm tội: hành vi của các bị cáo là nguy hiểm, gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hoàn toàn nhận thức được ma túy là loại độc dược gây nghiện do Nhà nước độc quyền quản lý, nghiêm cấm các hoạt động sản xuất, tàng trữ, mua bán, vận chuyển, sử dụng trái phép chất ma túy. Nhưng các bị cáo vẫn cố tình cung cấp ma túy, chuẩn bị công cụ, tổ chức cho người khác sử dụng ma túy, bị cáo Triệu Văn T còn bán ma túy để kiếm lời, bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Điều đó đã gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến tình hình trật tự an ninh trên địa bàn dân cư. Do vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo tội danh, hình phạt đã quy định tại Bộ luật Hình sự.

[6] Đây là vụ án hình sự mang tính chất đồng phạm giản đơn đối với tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy do các bị cáo cùng cố ý thực hiện tội phạm nên cùng phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình đã gây ra, xong về nguyên tắc mỗi người đồng phạm phải chịu trách nhiệm độc lập về việc cùng thực hiện hành vi phạm tội, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự liên quan đến bị cáo nào thì áp dụng đối với riêng bị cáo đó. Bị cáo Triệu Văn T là người khởi xướng, đưa tiền cho bị cáo Lương Đoàn Minh T1 để mua ma túy. Bị cáo Lương Đoàn Minh T1 là người thực hành đi mua ma túy và công cụ để sử dụng trái pháp chất ma túy.

[7] Về nhân thân: bị cáo Triệu Văn T đã từng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, tuy đã chấp hành xong nhưng chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính; bị cáo Lương Đoàn Minh T1 đã từng bị xét xử về tội trộm cắp tài sản, tàng trữ trái phép chất ma túy, bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

[8] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo Triệu Văn T, Lương Đoàn Minh T1 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Triệu Văn T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo Lương Đoàn Minh T1 có 01 tiền sự về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm tuy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[9] Sau khi xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, đảm bảo cho các bị cáo có thời gian cải tạo, học tập, tu dưỡng, sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích.

[10] Về hình phạt bổ sung: tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận nghề nghiệp là lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[11] Về xử lý vật chứng: đối với 01 điện thoại động nhãn hiệu OPPO A5i Pro màu đen bên trong gắn 01 sim điện thoại là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước; đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu đen, biển số 12X1-255.80 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy tên chủ xe Triệu Văn T biển số đăng ký 12X1-255.80 nhãn hiệu Yamaha Exciter cần trả lại cho bị cáo Triệu Văn T; đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen bạc, biển số 12L1-216.74 là của bà Đoàn Thị H và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu trắng vàng bên trong gắn 01 sim điện thoại của bà Dương Phương Q, khi bị cáo sử dụng những phương tiện này vào hành vi phạm tội bà Đoàn Thị H và bà Dương Phương Q không biết nên cần trả lại.

[12] Đối với số tiền 100.000 đồng có được do bán ma túy cho Nông Văn Th là tiền do phạm tội mà có nên cần truy thu nộp ngân sách Nhà nước.

[13] Đối với bà Đoàn Thị H và bà Dương Phương Q, việc Lương Đoàn Minh T1 sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen bạc, biển số 12L1-216.74 và điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu trắng vàng vào việc mua ma túy bà Đoàn Thị H, chị Dương Phương Q, cháu Lương Minh Hiếu không biết nên không xem xét xử lý.

[14] Đối với dụng cụ sử dụng ma túy gồm xi lanh, vỏ ống nước cắt các bị cáo vứt vào bụi cây, quá trình điều tra đã truy tìm nhưng không thu giữ được.

[15] Đối với Nguyễn Mạnh Tiến là người bán ma túy cho Lương Đoàn Minh T1, đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn khởi tố về tội Mua bán trái phép chất ma túy và tội Tàng trữ trái phép chất ma túy trong vụ án khác.

[16] Đối với Nông Văn Th là người mua ma túy với Triệu Văn T, kết quả xét nghiệm Nông Văn Th dương tính với ma túy. Nhưng hành vi của Nông Văn Th chưa đủ yếu tố cấu thành tội sử dụng trái phép chất ma túy. Công an xã Bằng Mạc, tỉnh Lạng Sơn đã xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[17] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn về tội danh, mức hình phạt, vật chứng, án phí đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội đã xảy ra, đúng với các quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[18] Về án phí: các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước, theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ

luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[19] Các bị cáo, người có quyền nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn luật định theo quy định tại khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự và khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 55, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Triệu Văn T.

Căn cứ khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lương Đoàn Minh T1.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 292, Điều 293, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: tuyên bố bị cáo Triệu Văn T phạm các tội mua bán trái phép chất ma túy và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo Lương Đoàn Minh T1 phạm tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Triệu Văn T 03 (ba) năm tù đối với tội mua bán trái phép chất ma túy và 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù đối với tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Tổng hợp hình phạt của cả hai tội là 06 (sáu) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 31/01/2026.

- Xử phạt bị cáo Lương Đoàn Minh T1 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 31/01/2026.

3. Về biện pháp tư pháp: truy thu số tiền 100.000 đồng của bị cáo Triệu Văn T để nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại động nhãn hiệu OPPO A5i Pro màu đen bên trong gắn 01 thẻ sim điện thoại.

- Trả lại: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu đen, biển số 12X1-255.80 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy tên chủ xe Triệu Văn T biển số đăng ký 12X1-255.80 nhãn hiệu Yamaha Exciter cho bị cáo Triệu Văn T; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen bạc, biển số 12L1-216.74 cho bà Đoàn Thị H và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu trắng vàng bên trong gắn 01 thẻ sim cho bà Dương Phương Q.

(Vật chứng hiện đang lưu giữ tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Lạng Sơn, chi tiết các vật chứng được mô tả theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 02 tháng 6 năm 2026)

5. Về án phí: Buộc các bị cáo Triệu Văn T, Lương Đoàn Minh T1 mỗi người phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PV06 Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Phân trại tạm giam Hữu Lũng;
- VKSND khu vực 4 - Lạng Sơn;
- Phòng THADS khu vực 4 - Lạng Sơn;
- Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Ngô Thảo Nguyên

